



tiào wǔ

跳舞

Verb · to dance

Example Sentences

wǒ xǐ huān tiào wǔ
我 喜 欢 跳 舞。

I like to dance.

tā xǐ huān zài zhōu mò hé péng you yì qǐ tiào wǔ
她 喜 欢 在 周 末 和 朋 友 一 起 跳 舞。

She likes to dance with friends on weekends.

nǐ huì tiào wǔ ma
你 会 跳 舞 吗？

Can you dance?

Trace each character, then write the word on your own.

跳	跳	跳	跳	跳	跳	跳	跳	跳	跳	跳
跳	跳	跳	跳	跳						

舞	舞	舞	舞	舞	舞	舞	舞	舞	舞	舞
舞	舞	舞	舞	舞	舞					